



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG
Khoa: Y DƯỢC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT **HỌC PHẦN TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **DƯỢC HỌC**

Mã số: **7720201**

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Việt: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH	Tiếng Anh: Pharmaceutical English
- Mã số học phần: BEN1171	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Khoa học Sức khỏe (Khối ngành VI)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức đại cương/chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác
- Số tín chỉ: 02 + Số tiết lý thuyết: 30 tiết + Số tiết thực hành/thảo luận: 0 + Số tiết thực tế ngoài trường: 0 + Số tiết tự học : 60 tiết.	

- Điều kiện tham gia học phần:	
Học phần tiên quyết: Tiếng Anh cơ bản 3	Mã số HP: BEN30071
Học phần học trước: <i>(ghi tên HP nếu có)</i>	Mã số HP: <i>(ghi MSHP)</i>
Học phần song hành: <i>(ghi tên HP nếu có)</i>	Mã số HP: <i>(ghi MSHP)</i>
- Yêu cầu của học phần <i>(giảng viên ghi cụ thể các yêu cầu)</i>	
Thời gian người học có mặt trên lớp tối thiểu: 80%.	
Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, ...	
Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.	
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Y Dược	

1.2. Các giảng viên phụ trách

- Giảng viên phụ trách chính: Ths. Hà Thị Hồng
- Các giảng viên cùng giảng dạy: CN. Nguyễn Thị Kiều Oanh

2. Mô tả học phần *(vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, mục đích và những nội dung chính yếu của học phần)*

Học phần *Tiếng Anh Chuyên Ngành Dược* cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực y dược, bao gồm vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng đọc hiểu, nghe, nói và viết trong các tình huống nghề nghiệp cụ thể. Nội dung học phần xoay quanh các chủ đề sức khỏe, bệnh học, phòng chống bệnh, chăm sóc bệnh nhân và các vấn đề y tế – xã hội thường gặp, giúp người học có khả năng giao tiếp, trao đổi chuyên môn bằng tiếng Anh trong môi trường học tập, nghiên cứu và làm việc thực tế.

Học phần đóng vai trò là cầu nối giữa các kiến thức tiếng Anh cơ bản đã được trang bị và việc vận dụng ngoại ngữ vào các hoạt động chuyên ngành dược như đọc – hiểu tài liệu khoa học, trình bày báo cáo, viết bài nghiên cứu, và tư vấn cho bệnh nhân hoặc đồng nghiệp bằng tiếng Anh. Qua đó, người học được rèn luyện tư duy logic, kỹ năng mềm, tinh thần làm việc chuyên nghiệp, và ý thức trách nhiệm của người cán bộ y tế, đáp ứng yêu cầu của Chương trình đào tạo ngành Dược học và xu hướng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực y tế – dược.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

Bảng 1. Mục tiêu của học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR nào của CTĐT (PLOs)	Trình độ năng lực
CO1	Trang bị cho người học khả năng áp dụng kiến thức tiếng Anh chuyên ngành để đọc hiểu, soạn thảo tài liệu và báo cáo liên quan đến lĩnh vực dược.	PLO2	3/6
CO ₂	Rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Anh bậc 3 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam) trong giao tiếp chuyên môn, trình bày báo cáo và thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực dược.	PLO7	3/5
CO ₃	Giáo dục, rèn luyện cho người học thái độ, tinh thần làm việc và lương tâm trách nhiệm của người cán bộ y tế nói chung và cán bộ dược nói riêng trong hành nghề dược.	PLO _{11,12}	4/5

4. Chuẩn đầu ra học phần (*Course Learning Outcomes - CLOs*)

Bảng 2. Mô tả chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT ngành Dược học

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH			CLOs HP TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH				
Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt (*)	Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt (*)	Trọng số (%)**	Bài HP đảm nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
PLO ₂ [1.2.1]	Áp dụng kiến thức khoa học cơ bản, kỹ năng mềm, tin học, tiếng Anh để soạn thảo, báo cáo và nghiên cứu trong lĩnh vực Dược.	3/6	CLO ₁ [1.2.1.1]	Sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để đọc hiểu, phân tích nội dung tài liệu y dược.	3/6		Unit 1–15
			CLO ₂	Vận dụng tiếng Anh chuyên ngành để soạn thảo	3/6		Unit 1–15

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH			CLOs HP TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH				
			[1.2.1.2]	văn bản, báo cáo và thuyết trình về chủ đề y dược.			
PLO ₇ [2.1.1]	Thành thạo Tiếng anh (bậc 3), kỹ năng soạn thảo văn bản, trình bày báo cáo và thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực Dược, sử dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, kỹ năng mềm, công nghệ thông tin và ngoại ngữ.	3/5	CLO ₃ [2.1.1.1]	Trình bày miệng bằng tiếng Anh chuyên ngành các nội dung liên quan đến lĩnh vực y dược một cách rõ ràng và logic.	3/5		Unit 1–15
			CLO ₄ [2.1.1.2]	Thực hiện bài báo cáo, nghiên cứu nhỏ bằng tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực y dược, đảm bảo cấu trúc và tính chuyên môn.	3/5		Unit 1–15
PLO ₁₁ [3.1.1]	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tư duy độc lập, lập trường vững vàng và khả năng tự học suốt đời, chủ động phát triển kiến thức, kỹ năng và năng lực chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu của ngành Dược và sự phát triển xã hội.	4/5	CLO ₅ [3.1.1.1]	Thể hiện tinh thần tự học, chủ động nâng cao trình độ tiếng Anh chuyên ngành và kiến thức y dược.	4/5		Unit 1–15
PLO ₁₂ [3.2.1]	Thể hiện tinh thần trách nhiệm với xã hội và môi trường, tôn trọng quyền và lợi ích của đồng nghiệp, bệnh nhân; duy trì phong cách làm việc chuyên nghiệp và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong mọi hoạt động chuyên môn.	4/5	CLO ₆ [3.2.1.1]	Thể hiện thái độ nghiêm túc, trách nhiệm, hợp tác hiệu quả khi thực hành và trao đổi bằng tiếng Anh trong môi trường chuyên ngành.	4/5		Unit 1–15

Bảng 3. Ma trận đóng góp của các bài cho việc đạt các CLOs HP TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH (*)

CLO	Kiến thức ngành		Kỹ năng nghề nghiệp		NL tự chủ	Tự chịu TN
	CLO1 [1.2.1.1] – 3/6	CLO2 [1.2.1.2] – 3/6	CLO3 [2.2.1.1] – 3/5	CLO4 [2.2.1.2] – 3/5	CLO5 [3.1.1] – 4/5	CLO6 [3.2.1] – 4/5
Unit 1	3/6	3/6	3/5	3/6	4/5	4/5
Unit 2	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Unit 3	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Unit 4	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Unit 5	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Unit 6	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Unit 7	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Unit 8	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Unit 9	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Unit 10	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Unit 11	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Unit 12	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Unit 13	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Unit 14	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Unit 15	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5

5. Đánh giá học phần (Các bài đánh giá, điểm năng lực và trọng số đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CLOs)

Bảng 4. Đánh giá học phần

Bài đánh giá	CLOs được đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	CLO5	4/5	5	Điểm danh	Thường xuyên
	CLO6	4/5	5		
Thái độ học tập	CLO5	4/5	5	Tham gia phát biểu, thảo luận	Thường xuyên
	CLO6	4/5	5		
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
Bài kiểm tra	CLO1	3/6	8	Tự luận/Trắc nghiệm/TL và TN	Cuối bài 7; Cuối bài 15
	CLO2	3/6	8		
	CLO3	4/5	7		
	CLO4	4/5	7		
A2. Đánh giá cuối kì (thi kết thúc học phần)			50		
Bài thi hết học phần	CLO1	3/6	12,5	Tự luận/Trắc nghiệm/TL và TN	Theo lịch thi của P. QLĐT
	CLO2	3/6	12,5		
	CLO3	4/5	12,5		
	CLO4	4/5	12,5		

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CDR học phần

CLO Bài ĐG	1.2. Kiến thức ngành		2.2. Kỹ năng nghề nghiệp		3.1. NL tự chủ	3.2. Tự chịu trách nhiệm
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6

	[1.2.1.1] – 3/6	[1.2.1.2] – 3/6	[2.2.1.1] – 3/5	[2.2.1.2] – 3/5	[3.1] – 4/5	[3.2] – 4/5
A1.1 (20%)					x	x
A1.2 (30%)	x	x	x	x		
A2 (50%)	x	x	x	x		

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Unit 1: Tress Section 1: Reading comprehension Section 2: Speaking Section 3: Grammar and vocabulary practice	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
2	Unit 2: Relaxation Section 1: Reading comprehension Section 2: Speaking Section 3: Grammar and vocabulary practice	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
3	Unit 3: Alcoholism Section 1: Reading comprehension Section 2: Speaking Section 3: Grammar and vocabulary practice	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
4	Unit 4: Drug abuse Section 1: Reading comprehension Section 2: Speaking Section 3: Grammar and vocabulary practice	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
5	Unit 5: Aids Section 1: Reading comprehension Section 2: Speaking Section 3: Grammar and vocabulary practice	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2
6	Unit 6: Smoking Section 1: Reading comprehension Section 2: Speaking Section 3: Grammar and vocabulary practice	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2
7	Unit 7: Heart disease Section 1: Reading comprehension Section 2: Speaking Section 3: Grammar and vocabulary practice	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2
8	Unit 8: Stroke Section 1: Reading comprehension Section 2: Speaking Section 3: Grammar and vocabulary practice	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2
9	Unit 9: Cancer Section 1: Reading comprehension Section 2: Speaking Section 3: Grammar and vocabulary practice	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2
10	Unit 10: Hygiene Section 1: Reading comprehension Section 2: Speaking Section 3: Grammar and vocabulary practice	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
11	Unit 11: Nutrition Section 1: Reading comprehension Section 2: Speaking Section 3: Grammar and vocabulary practice	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
12	Unit 12: Handicaps Section 1: Reading comprehension Section 2: Speaking Section 3: Grammar and vocabulary practice	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
13	Unit 13: Pregnancy Section 1: Reading comprehension Section 2: Speaking Section 3: Grammar and vocabulary practice	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
14	Unit 14: Dentistry Section 1: Reading comprehension Section 2: Speaking Section 3: Grammar and vocabulary practice	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
15	Unit 15: Traditional medicine Section 1: Reading comprehension Section 2: Speaking Section 3: Grammar and vocabulary practice	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
	Tổng	30				

Bảng 7. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Sách, giáo trình			
1	TS. Vương Thị Thu Minh	2009	Tiếng Anh chuyên ngành	Vụ Khoa học và Đào tạo – Bộ Y tế
	Tài liệu tham khảo			
	Glenda Browne & Dorothy Dyer	2018	English for Pharmacy Students	Oxford University Press

Bảng 8. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Từ điển thuật ngữ y khoa và dược học	https://www.merriam-webster.com/medical	Cập nhật thường xuyên
2	Hướng dẫn, tài liệu và thuật ngữ dược phẩm của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)	https://www.who.int	Cập nhật thường xuyên

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần**

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung bài học/chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường nhà C	- Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến (LMS) phần mềm họp trực tuyến Zoom, Microsoft Team....	01	Unit 1 - 15

9. Các rubrics đánh giá kết quả học tập

Các Thầy Cô tham khảo các rubrics trong bản Mô tả CTĐT để lựa chọn các files phù hợp với mục đích đánh giá của HP. Thầy Cô có thể tự xây dựng rubric đơn giản hơn, dễ thực hiện hoặc điều chỉnh file đã có để phù hợp với PP đánh giá HP đã lựa chọn.

- Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học 1 không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

- Rubric đánh giá kiểm tra/thi bằng hình thức tự luận

Đánh giá kiểm tra viết (*Written Exam*): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

10. Thi kết thúc học phần

➤ Cấu trúc đề thi kết thúc học phần:

- **Số câu hỏi trong 1 đề:** 04 câu; Mỗi câu đánh giá 1 CLO: 1 CLO₁, 1 CLO₂, 1 CLO₃, 1 CLO₄

- **Thời gian làm bài:** 60 phút - Sinh viên được phép sử dụng tài liệu (*Đề mở*)

➤ Các phương án tổ hợp câu hỏi thi để làm ĐỀ THI kết thúc học phần bằng hình thức tự luận:

- **Phương án tổ hợp câu hỏi trong 1 đề thi:** có 4 câu (1 CLO₁, 1 CLO₂, 1 CLO₃, 1 CLO₄) không cùng trong 1 chương hoặc 1 bài.

- **Đề thi kết thúc học phần** (Các câu hỏi không lặp lại)

Câu hỏi thi	Bài	Số lượng câu	CLOs đánh giá - Mức NL	Số lượng câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi thi
Câu 1	Unit 1-15	1	CLO1- 3/6	
Câu 2	Unit 1-15	1	CLO2 - 3/6	
Câu 3	Unit 1-15	1	CLO3 - 3/5	
Câu 4	Unit 1-15	1	CLO4 - 3/5	
Cộng		4		

Trưởng khoa

(Đã ký)

GS.TSKH Phùng Đức Cam

Giảng viên

(Đã ký)

Ths. Hà Thị Hồng